

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(N^o): 0457/VAQ09 - 01/17 - 00

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:	0489/17/AH	Ngày:	23.05.2017
Pursuant to the Technical document N ^o		Date	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:	QCVN 09 : 2015/BGTVT		
Standard, regulation applied	---		
Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:	29005/16/04	Ngày:	28.11.2016
Pursuant to the results of C.O.P examination Report N ^o		Date	
Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra/thử nghiệm số:	0418/17/BC	Ngày:	16.05.2017
Pursuant to the results of Test Report N ^o	---	Date	---

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type): **Ô tô tải (có mui)**
 Nhân hiệu (Mark): **CNHTC** Số loại (Model code): **TMT/ST96C-75MB**
 Mã số khung (Frame number code): **RRT09675C*1A**
 Khối lượng bản thân (Kerb mass): **5.365** kg
 Phân bố lên: - Trước trước (on front): **2.545** kg - Trước sau (on rear): **2.820** kg
 Số người cho phép chở kể cả người lái (Seating capacity including driver): **03** người
 Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (Design pay load): **7.500** kg
 Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (Authorized pay load): **7.500** kg
 Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (Design total mass): **13.060** kg
 Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (Authorized total mass): **13.060** kg
 Phân bố lên: - Trước trước (on front): **3.825** kg - Trước sau (on rear): **9.235** kg
 Khối lượng kéo theo theo thiết kế/ cho phép tham gia giao thông (Towed mass): **---** kg
 Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (Overall: length x width x height): **8.410 x 2.400 x 3.510** mm
 Khoảng cách trục (Wheel Spase): **4.700** mm
 Công thức bánh xe (Drive configuration): **4 x 2**
 Kiểu động cơ (Engine model): **YC4D130-20** Loại (Type): **4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp**
 Thể tích làm việc (Displacement): **4.214** cm³
 Công suất lớn nhất/ tốc độ quay (Max. output/ rpm): **96 kW/ 2.800 vòng/ phút**
 Loại nhiên liệu (Fuel): **Diesel**
 Cỡ lốp (Tyre size): Lốp trước (front tyre): **8.25 - 20** Lốp sau (rear tyre): **8.25 - 20**
 Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **Công ty cổ phần ô tô TMT**
 (Name and address of manufacturer) **Số 199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**
 Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **Chi nhánh Công ty CP ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên-Nhà máy ô tô Cửu Long**
 (Name and address of assembly plant) **Xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên**
 Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 09 : 2015/BGTVT
 The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 09 : 2015/BGTVT

Ghi chú:

- Vết xe bánh trước/ sau: **1.810/ 1.790 mm**
 - Hệ thống lái: Trước vít - ô cu bi
 Cơ khí có trợ lực thủy lực
 - Hệ thống phanh: Phanh chính: Tang trống/Tang trống
 Khí nén
 Phanh đỗ: Tác động lên bánh xe trục 2
 Tự hãm

Số lượng lốp trục I/II/III/IV/V: **02/04/---/---/---**
 Kích thước lồng thùng hàng/thùng xe: **6.200 x 2.250 x 1.800/2.150 mm**

Giấy chứng nhận này chỉ có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 25 tháng 05 năm 2017 (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỤC TRƯỞNG
Trần Kỳ Hình

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(N^o): 0421/VAQ09 - 04/17 - 00

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế số:

0414/17/XH

Ngày: 24.04.2017

Căn cứ vào kết quả thẩm định tại biên bản thẩm định số:

0414/17/XB

Ngày: 16.05.2017

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Chứng nhận : Thiết kế kỹ thuật Ô tô tải (có mui)

CNHTC TMT/ST96C-75MB

Ký hiệu thiết kế : CNHTC TMT/ST96C-75MB'17

Cơ sở thiết kế : Công ty cổ phần ô tô TMT

Địa chỉ : Số 199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Cơ sở SXLR : Công ty cổ phần ô tô TMT

Địa chỉ : Số 199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐÃ ĐƯỢC CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM THẨM ĐỊNH

Nội dung chính của bản thiết kế : Thiết kế kỹ thuật Ô tô tải (có mui) trên cơ sở Ô tô sát xí tải CNHTC TMT/ST96C do Công ty cổ phần ô tô TMT sản xuất

Thông số kỹ thuật cơ bản :	Đơn vị	
Kích thước bao (D x R x C)	mm	8.410 x 2.400 x 3.510
Kích thước lồng thùng hàng/thùng xe (D x R x C/Cm)	mm	6.200 x 2.250 x 1.800/2.150
Khoảng cách trục	mm	4.700
Công thức bánh xe		4 x 2
Vết bánh xe trước/sau	mm	1.810/1.790
Khối lượng bản thân	kg	5.365
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế	kg	13.060
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg	13.060
Số người cho phép chở (kể cả người lái)	Người	03
Động cơ		YC4D130-20, Diesel, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp, dung tích xi lanh 4.214 cc
Lốp trước/sau		8.25 - 20 / 8.25 - 20

Chú thích:

Quy chuẩn áp dụng QCVN 09:2015/BGTVT.

Ngày 16 tháng 05 năm 2017

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỤC TRƯỞNG
Trần Kỳ Hình

Giấy chứng nhận này chỉ có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017.